

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 80/2018/HSST
Ngày 06 tháng 6 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Như Phượng**.*

*Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Ngô Xuân Dật**
- Ông **Nghiêm Thế Hùng***

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Yến** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia
phiên tòa: Ông **Phan Văn Hóa** - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh
Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/TLST-HS
ngày 16 tháng 02 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
115/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V - Sinh năm 1965 tại Quảng Ninh.

Nơi ĐKNKTT: Số 29/8 đường T, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia
Lai; nơi cư trú: Số 53 đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp:
Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch:
Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy M (đã mất) và bà Hoàng Thị L (đã mất); có
chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất
sinh năm 2003; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại: + Chị Diệp Thị Tr, sinh năm 1989. Có mặt
+ Anh Trương Công T, sinh năm 1981. Có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Trần D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 5, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Quốc T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 5, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05/01/2013 đến ngày 10/8/2015, tại địa bàn thành phố Pleiku, Nguyễn Thị V đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do có quen biết từ trước với chị Diệp Thị Tr (Sinh năm 1989, trú tại: Số 878 đường T, tổ 01, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) nên Nguyễn Thị V biết được chị Tr đang muốn xin chuyển công tác cho chồng của chị Tr là anh Trương Công T từ Sư đoàn 10 thuộc Quân đoàn 3 đóng quân tại tỉnh Kon Tum về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai. Nguyễn Thị V nói với chị Tr là V có quen biết nhiều Lãnh đạo cấp tỉnh và Bộ Quốc phòng nên có khả năng xin chuyển cho anh T về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai. Nghe V giới thiệu nên chị Tr đã nhờ V xin chuyển công tác cho anh T, V đồng ý và với nói chị Tr: *“Nếu xin chuyển thì chi phí hết 200.000.000 đồng”*, chị Tr đồng ý. Đến khoảng đầu năm 2013, V gọi điện thoại cho chị Tr nói V chuẩn bị đi Hà Nội gặp Lãnh đạo Bộ Quốc phòng để xin việc cho anh T và nói chị Tr đưa trước cho V 120.000.000 đồng. Ngày 05/01/2013, chị Tr và anh T đến nhà của V tại số 29/8A đường T, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đưa cho V số tiền trên. Việc giao nhận tiền, V viết một giấy biên nhận đứng tên người đưa tiền là anh Trương Công T với nội dung: *“Hôm này ngày 05/01/2013, tại số nhà 29/8A đường T, phường H, TP. Pleiku, tôi Nguyễn Thị V có nhận của cháu Trương Công T, trú tại Tổ 1, phường C, TP. Pleiku số tiền 120.000.000 đồng”*. Đến ngày 27/3/2013, V tiếp tục gọi điện thoại cho chị Tr nói phải đưa thêm 40.000.000 đồng nữa mới có Quyết định chuyển công tác cho anh Trương Công T. Chị Tr tiếp tục đến nhà V đưa 40.000.000 đồng và lần này V cũng viết một giấy biên nhận với nội dung: *“Hôm nay ngày 27/3/2013, tôi Nguyễn Thị V có nhận của cháu T số tiền 40.000.000 đồng để lo công việc. Khi xong công việc cho cháu T, giấy nhận tiền này không còn giá trị nữa”*. Đến ngày 10/8/2015, V lại gọi điện cho chị Tr nói đưa thêm 40.000.000 đồng thì Quyết định chính thức mới được chuyển về. Đến thời điểm này, chị Tr tin tưởng là có Quyết định chuyển công tác chính thức cho anh T nên chị Tr đến và đã đưa 40.000.000 đồng cho V. Việc giao và nhận tiền thì V viết một giấy biên nhận với nội dung: *“Hôm này ngày 10/8/2015, tại số nhà 29/8A đường T, phường H, TP. Pleiku, tôi có nhận của bà Tr 40 triệu đồng để xin việc, nếu không xin được việc thì hẹn đến ngày 29/8/2015, sẽ hoàn trả tiền đầy đủ”*. Tổng cộng, chị Tr và anh T đã đưa cho V 200.000.000 đồng. Do V không thực hiện việc xin chuyển đơn vị công tác cho anh T như V đã hứa và chị Tr đã nhiều lần yêu cầu V trả lại tiền nhưng V không trả nên vào ngày 08/12/2015, chị Diệp Thị Tr làm đơn tố cáo Nguyễn Thị V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, đề nghị xử lý Nguyễn Thị V theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Do có quen biết với anh Nguyễn Văn Th (Sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố 01, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) nên vào khoảng đầu tháng 7/2015, Nguyễn Thị V nói với anh Th: *“Nếu ai có nhu cầu xin việc làm tại thành phố Pleiku thì V sẽ giúp”*. Trong thời gian này, anh Th biết ông Trần D (Sinh năm 1970, trú tại Thôn 05, xã I, huyện Đ) có con là Trần Quốc T (sinh năm 1993) mới học ra trường nhưng chưa có việc làm nên anh Th giới thiệu cho ông D đến gặp Nguyễn Thị V. Đến khoảng 17 giờ ngày 29/7/2015, ông D đến nhà Nguyễn Thị V ở số 29/8A đường T, tổ 3, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tại đây, ông D nhờ V xin cho Trần Quốc T vào làm việc tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh tại Gia Lai, V đồng ý và nói với ông D: *“Nếu vào Ngân hàng Sacombank thì chi phí hết 100.000.000 đồng, một tháng sau sẽ có việc làm”*, ông D đồng ý và đưa cho V 50.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền, V viết một giấy biên nhận đứng tên người nhận Ng Hồng V với nội dung: *“Hôm nay ngày 29/7/2015, tại số nhà 29/8A T, phường H, TP. Pleiku, có nhận của anh chị Trần D và Nguyễn Mai lo việc làm cho cháu T. Sau khi xong việc giấy này không có tác dụng nữa, nếu không được việc tôi sẽ trả lại cho cháu đầy đủ, nếu sai tôi chịu trước pháp luật, tôi đã nhận 50.000.000 đồng”*. Sau đó, V đã nhiều lần gọi điện thoại nói ông D tiếp tục đưa số tiền còn lại để V lo công việc cho anh Trần Quốc T. Ngày 10/8/2015, cũng tại địa chỉ nhà của V nêu trên, ông D đưa tiếp cho V 50.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền, V viết một giấy biên nhận đứng tên người nhận Ng Thị Hồng V với nội dung: *“Hôm nay ngày 10/8/2015, tại số nhà 29/8A T, phường H, TP. Pleiku. Tôi Ng Thị V có nhận của ông bà D + Mai số tiền 50 triệu đồng để xin việc cho cháu T, khi xong việc giấy này ko có giá trị nữa. Nếu không xin được thì tôi hoàn trả lại cho ông bà số tiền trên. Nếu sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”*. Tổng cộng ông D đưa tiền cho V 100.000.000 đồng. Do V không thực hiện xin việc làm anh Trần Quốc T như V đã hứa và ông D đã nhiều lần yêu cầu V trả lại tiền nhưng V không trả nên vào ngày 10/10/2016, ông Trần D làm đơn tố cáo Nguyễn Thị V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, đề nghị xử lý V theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị V khai: V không hề quen biết ai ở Bộ Quốc phòng và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai. Sau khi nhận 200.000.000 đồng của chị Tr cùng với số tiền 100.000.000 đồng của ông D, V không liên hệ với ai, đơn vị nào để xin chuyển đơn vị công tác cho anh Trương Công T; không liên hệ với Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai để xin việc làm cho anh Trần Quốc T. Do bị bệnh ung thư dạ dày nên sau khi nhận số tiền của chị Tr và ông D, V đã sử dụng vào việc chữa bệnh hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã tiến hành xác minh tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai và tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai, trong thời điểm từ năm 2013 đến nay, không có ai tên là Nguyễn Thị V, trú tại: Số 29/8A đường T, tổ 3, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đến để liên hệ để xin chuyển công tác cho Trương Công T từ Sư đoàn 10 về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai và Trần Quốc T vào làm việc tại Ngân hàng Sacombank.

Ngày 02/8/2016 và ngày 11/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với các Giấy nhận tiền đề

ngày 05/01/2013; ngày 27/3/2013; ngày 29/7/2015 và ngày 10/8/2015 đã thu giữ của các bị hại với chữ viết, chữ ký trên các bản tự khai của Nguyễn Thị V. Ngày 10/8/2016 và ngày 17/11/2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai đã kết luận giám định: “*Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra*”.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 15/02/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Diễn biến tại phiên tòa:

* Bị cáo công nhận hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

* Bị hại: Yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và yêu cầu Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với cáo Nguyễn Thị V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 7 (Bảy) năm đến 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị V trả cho chị Diệp Thị Tr và anh Trương Công T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Trả cho ông Trần D số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tổng cộng 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, bị cáo hứa sẽ cố gắng sắp xếp trả nợ cho những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh

Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 16/02/2017, Tòa án thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo bỏ trốn, Tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án vụ án yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo. Ngày 16/5/2018, bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan điều tra. Ngày 17/5/2018, Tòa án ra Quyết định phục hồi vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội như sau:

Mặc dù không có khả năng xin được việc làm nhưng vào các ngày 05/01/2013; 27/3/2013; 29/7/2015 và ngày 10/8/2015, tại nhà của Nguyễn Thị V ở số 29/8A đường T, tổ 3, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, V đã nói với chị Diệp Thị Tr và ông Trần D là V xin được việc chuyển công tác cho anh Trương Công T (Là chồng của chị Tr) từ Sư đoàn 10 về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai, lệ phí xin việc là 200.000.000 đồng. Xin việc làm cho anh Trần Quốc T (là con của ông D) vào làm việc tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Gia Lai, lệ phí xin việc là 100.000.000 đồng. Do tin tưởng V xin được việc nên chị Tr đã giao cho V 200.000.000 đồng và ông D đã giao cho V 100.000.000 đồng để lo chi phí. Tổng cộng V đã nhận của chị Tr và ông D 300.000.000 đồng (**Ba trăm triệu đồng**). Sau khi nhận số tiền trên, Nguyễn Thị V không lo xin việc cho cho anh Trương Công T và anh Trần Quốc T mà đã tiêu xài cá nhân hết.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

Bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng chị Diệp Thị Tr, anh Trương Công T và ông Trần D tổng số tiền 300.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nên hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Sau khi phạm tội và sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về dân sự:

Bị hại là chị Diệp Thị Tr và anh Trương Công T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 200.000.000 đồng, ông Trần D yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 300.000.000 đồng (**Ba trăm triệu đồng**).

Xét yêu cầu của những người bị hại là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật, nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V trả cho chị Diệp Thị Tr và anh Trương Công T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Trả cho ông Trần D số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, bị cáo phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại Trương Công T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng